

Số: 125 /2026/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 432 /TTr-STC ngày 12 tháng 8 năm 2026 về dự thảo Quyết định ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Năng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2026 và thay thế Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành một số quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Kỳ Minh

QUY ĐỊNH

Về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 125 /2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm
2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi tắt là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 214/2025/NĐ-CP)

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 2 Chương I Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 3. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công

1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, gồm: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Trường hợp trong từng thời kỳ có điều chỉnh, bổ sung danh mục sản phẩm, dịch vụ công quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của

địa phương trong phạm vi dự toán được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua, gửi Bộ Tài chính và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện.

Điều 4. Phương thức và thẩm quyền quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Chương I Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Điều 11 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

2. Các cơ quan quản lý theo ngành, lĩnh vực phụ trách trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm báo cáo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp việc ủy quyền để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Phương pháp và thẩm quyền quyết định giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công

Phương pháp và thẩm quyền quyết định giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công thực hiện theo quy định Điều 8 Chương I Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, trong đó:

1. Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện giao nhiệm vụ: Căn cứ số lượng, khối lượng nhiệm vụ; chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền tại khoản 2 Điều 4 Quy định này phê duyệt dự toán kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện đặt hàng: Phương pháp định giá, cơ quan có thẩm quyền định giá và trình tự định giá, đơn giá thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

3. Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích: Phương pháp định giá, cơ quan có thẩm quyền định giá và trình tự định giá, đơn giá, mức trợ giá sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

Chương II

GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG HOẶC ĐẤU THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục 1. GIAO NHIỆM VỤ CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

Việc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo các điều kiện, nội dung và điều chỉnh kinh phí giao nhiệm vụ

cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Mục 1 Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 7. Trình tự thực hiện giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Lập dự toán: Căn cứ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định của pháp luật khác có liên quan và quy định tại Nghị định này; cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập lập dự toán kinh phí ngân sách giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định Điều 22 Chương IV Nghị định số 32/2019/NĐ-CP trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách.

2. Thực hiện dự toán: Đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành, biên bản nghiệm thu theo số lượng, khối lượng hoặc chi tiết nhiệm vụ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hồ sơ chứng từ có liên quan thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định hiện hành.

Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, giám sát việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; nghiệm thu, bàn giao sản phẩm làm cơ sở cho việc thanh, quyết toán theo quy định.

3. Điều chỉnh kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

a) Việc điều chỉnh kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện theo Điều 11, Mục 1 Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

b) Khi phát sinh điều chỉnh theo điểm a khoản 3 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ rà soát số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công hoặc nhiệm vụ được giao để xác định cụ thể kinh phí cần điều chỉnh, bổ sung; đồng thời đề xuất chi tiết nguồn kinh phí thực hiện. Trên cơ sở đề nghị của đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm kiểm tra, xác định đúng kinh phí cần điều chỉnh hoặc bổ sung dự toán, trong đó chi tiết theo nguồn kinh phí thực hiện; gửi kết quả cho cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

4. Quyết toán kinh phí: Các đơn vị sự nghiệp công lập quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Mục 2. ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 8. Các nội dung về đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

Điều kiện đặt hàng, căn cứ đặt hàng, hình thức đặt hàng, quy trình đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn thành phố đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên và nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và khoản 1 Điều 14 Mục 2,

Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, 2 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Thực hiện đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

1. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán

Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Quyết định này. Tại thời điểm xây dựng dự toán, cơ quan quản lý được Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy quyền thực hiện đặt hàng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan rà soát tình hình thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công năm hiện hành; xác định chi tiết số lượng, khối lượng, đơn giá, giá dịch vụ (so sánh số lượng, khối lượng, phân tích tăng giảm) làm cơ sở xây dựng dự toán đặt hàng cho năm kế hoạch, trong đó đề xuất chi tiết các nguồn để thực hiện, gửi cơ quan tài chính báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Thực hiện dự toán: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan quản lý quyết định đặt hàng (đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc) hoặc hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (đối với nhà cung cấp dịch vụ công khác). Căn cứ đơn giá, giá đặt hàng; biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và tài liệu khác có liên quan (nếu có), đơn vị cung cấp dịch vụ công thực hiện tạm ứng, thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 24, Chương IV Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

3. Công tác quản lý, giám sát việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công: Cơ quan quản lý cấp trên đơn vị sự nghiệp công lập được bố trí dự toán để tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm quản lý, giám sát và kiểm tra (định kỳ, đột xuất) để đảm bảo việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của các đơn vị đúng khối lượng, chất lượng, quy cách, định mức, tiêu chuẩn và thời gian thực hiện.

4. Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm: Cơ quan quản lý cấp trên được bố trí dự toán để tổ chức đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm chủ trì nghiệm thu, bàn giao sản phẩm (nếu có) theo định kỳ (hoặc đột xuất) và sau khi hoàn thành công việc. Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao sản phẩm phải được lập thành Biên bản, trong đó xác định cụ thể số lượng, khối lượng, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công để làm cơ sở thanh, quyết toán theo quy định.

5. Điều chỉnh kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

a) Cơ sở điều chỉnh kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Điều 15 Mục 2, Chương II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

b) Khi điều chỉnh kinh phí đặt hàng tại điểm a khoản 5 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên được bố trí dự toán để tổ chức đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có trách nhiệm chủ trì kiểm tra, rà soát số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công; xác định cụ thể kinh phí điều chỉnh hoặc bổ sung dự toán, đồng thời đề xuất chi tiết nguồn kinh phí thực hiện; tổng hợp kết quả và gửi đề nghị điều chỉnh kinh phí cho cơ quan tài chính chậm nhất ngày 10 tháng 10 hằng năm để báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách

nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách. Thời gian trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán đặt hàng chậm nhất hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.

Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định điều chỉnh kinh phí, cơ quan quản lý cấp trên được bố trí dự toán tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện điều chỉnh quyết định đặt hàng hoặc hợp đồng đặt hàng theo quy định.

6. Quyết toán kinh phí: Các đơn vị sự nghiệp công lập quyết toán kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Mục 3. ĐẤU THẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 10. Quy định về đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Quy định về đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với dịch vụ sự nghiệp công đáp ứng điều kiện đặt hàng theo quy định tại Quy định này mà cơ quan đặt hàng quyết định không áp dụng hình thức đặt hàng thì được áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Đối với công tác lập dự toán, tổ chức lựa chọn nhà thầu, thực hiện dự toán, thanh quyết toán và xử lý các trường hợp phát sinh thực hiện theo các Điều 16, 17 Chương III của Quy định này, thời gian thực hiện gói thầu theo Phụ lục kèm theo Quy định này.

Chương III

PHƯƠNG THỨC ĐẶT HÀNG, ĐẤU THẦU SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Mục 1. ĐẶT HÀNG SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 11. Đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Điều kiện và căn cứ đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích được thực hiện theo quy định tại Điều 17, 18 Mục 1 Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2. Thực hiện đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

a) Lập dự toán

Cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng có văn bản gửi nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (đối với nhà sản xuất, cung ứng được đặt hàng trong lĩnh vực thuộc diện nhà nước cấp phép hoạt động phải đáp ứng thêm điều kiện được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định pháp luật chuyên ngành), Nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có nhu cầu tham gia thì phải lập hồ sơ đề xuất đặt hàng

cho năm kế hoạch gửi cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng chậm nhất ngày 31 tháng 5 hằng năm.

Cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng sau khi kiểm tra, rà soát, thẩm định hồ sơ đặt hàng của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích để tổng hợp vào dự toán chi thường xuyên của ngành gửi cơ quan tài chính cùng cấp chậm nhất ngày 15 tháng 6 hằng năm. Cơ quan tài chính tổng hợp dự toán chi thường xuyên trình cấp thẩm quyền xem xét quyết định giao dự toán năm kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách.

b) Thực hiện dự toán

Trên cơ sở dự toán được giao, cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng thực hiện lập, phê duyệt phương án đặt hàng; xác định nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích nhận đặt hàng; xác định đơn giá, giá đặt hàng và tổ chức ký hợp đồng đặt hàng theo quy định tại Điều 18, 18a, 19 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và khoản 5 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Căn cứ hợp đồng đã ký kết, nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có trách nhiệm thực hiện các nội dung, tiến độ công việc đảm bảo đúng yêu cầu quy định. Sau khi hoàn thành, cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng với nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo đúng quy định.

Điều 12. Hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Nội dung và hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 19, Mục 1 Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Tùy theo từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo quy định pháp luật chuyên ngành (nếu có) trong đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, các bên có thể thỏa thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng nhưng không trái với quy định của pháp luật và không làm thay đổi giá, đơn giá, mức trợ giá của sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 13. Điều chỉnh hợp đồng đặt hàng

1. Việc điều chỉnh hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo quy định tại Điều 20 Mục 1, Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

2. Điều chỉnh hợp đồng phải được quy định cụ thể trong văn bản hợp đồng, văn bản thỏa thuận về điều kiện của hợp đồng (nếu có) và chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.

3. Xử lý các trường hợp phát sinh

Trường hợp trong năm có khối lượng công việc phát sinh ngoài phạm vi đặt hàng đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích báo cáo cơ quan đặt hàng thẩm định (khối lượng, giá trị và đề xuất phương thức thực hiện,...), gửi cơ quan tài chính chậm nhất ngày 10 tháng 10 hằng

năm để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự toán đặt hàng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách. Thời gian trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích chậm nhất hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 năm hiện hành.

Điều 14. Quản lý, giám sát và nghiệm thu hợp đồng đặt hàng

1. Về công tác quản lý, giám sát

a) Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng thực hiện quản lý, giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện hợp đồng đặt hàng bao gồm thời gian, khối lượng và chất lượng đối với các hoạt động mà đơn vị nhận đặt hàng thực hiện;

b) Việc kiểm tra, giám sát phải tổ chức định kỳ hoặc đột xuất, đảm bảo đúng các yêu cầu về kỹ thuật được quy định trong hồ sơ và hợp đồng đặt hàng.

2. Về nghiệm thu

a) Thời gian nghiệm thu: Cơ quan được giao nhiệm vụ đặt hàng tổ chức nghiệm thu định kỳ (hoặc đột xuất) và sau khi hoàn thành từng hạng mục công việc theo hợp đồng đặt hàng.

b) Thành phần, nội dung nghiệm thu và hồ sơ nghiệm thu

Thành phần nghiệm thu: Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng (tự quyết định thành phần tham gia) và đơn vị thực hiện hợp đồng đặt hàng.

Nội dung nghiệm thu: Các công việc đặt hàng đã được thực hiện trong tháng, quý, cả năm theo hồ sơ và hợp đồng đặt hàng theo quy định.

Hồ sơ nghiệm thu: Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng, bảng thanh toán khối lượng, hồ sơ quyết toán, nhật ký... và các hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng (nếu có).

Điều 15. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng đặt hàng

1. Tạm ứng

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, hợp đồng được ký kết và trên cơ sở đề nghị của nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích nhận đặt hàng, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng thực hiện tạm ứng cho nhà xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định tại Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước, tối đa không vượt quá 50% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết và không vượt quá dự toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho khoản chi đó. Việc thu hồi số tiền tạm ứng bắt đầu từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết số tiền tạm ứng khi thanh toán cuối cùng theo hợp đồng đã ký kết.

2. Thanh toán hợp đồng đặt hàng

Định kỳ hoặc sau khi được nghiệm thu, nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng. Trên cơ sở đó cơ quan này lập hồ sơ đề nghị thanh toán, gửi Kho

bạc nhà nước nơi giao dịch để kiểm soát, thanh toán, thu hồi tạm ứng theo quy định. Việc thanh toán được thực hiện trong phạm vi dự toán được giao, theo hợp đồng ký kết giữa cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng và nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

3. Trình tự thủ tục tạm ứng, hồ sơ tạm ứng và hồ sơ thanh toán tạm ứng, thanh toán trực tiếp: Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và quy định của pháp luật khác có liên quan (nếu có).

4. Quyết toán

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, hợp đồng đã được ký kết; biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan (nếu có), cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức đặt hàng thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và theo quy định tại Điều 25 Chương IV Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Mục 2. ĐẤU THẦU SẢN XUẤT, CUNG ỨNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Điều 16. Quy định về đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích

1. Quy định về đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 143 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với sản phẩm, dịch vụ công ích đáp ứng điều kiện đặt hàng theo quy định tại Quy định này mà cơ quan đặt hàng quyết định không áp dụng hình thức đặt hàng thì được áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Lập dự toán

a) Trường hợp tổ chức đấu thầu trong 01 năm

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành (nếu cần thiết) về dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo niên độ ngân sách hoặc dự kiến dự toán ngân sách nhà nước được cấp trong năm ngân sách để xác định giá gói thầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ và tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Trường hợp dự kiến dự toán ngân sách nhà nước phải lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp (về nguồn kinh phí và khả năng cân đối ngân sách)

b) Trường hợp tổ chức đấu thầu trong nhiều năm

Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành (nếu cần thiết) và lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp (về nguồn kinh phí và khả năng cân đối ngân sách) về dự kiến dự toán ngân sách nhà nước được cấp cho các năm kế tiếp đối với nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản

phẩm, dịch vụ công ích để xác định giá gói thầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ và tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Trường hợp phát sinh sản phẩm, dịch vụ công ích chưa được quy định thời gian thực hiện gói thầu theo Phụ lục kèm theo, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có trách nhiệm chủ trì, trình UBND thành phố xem xét, quyết định.

3. Thực hiện dự toán: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao; hợp đồng đã được ký kết; các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích chịu trách nhiệm thanh toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan và theo các quy định hiện hành.

4. Quyết toán kinh phí hợp đồng đấu thầu với nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật chuyên ngành, pháp luật khác có liên quan và theo các quy định hiện hành.

Điều 17. Xử lý các trường hợp phát sinh

1. Trường hợp phát sinh khối lượng mới ngoài khối lượng hợp đồng ban đầu và không phát sinh nhu cầu bổ sung dự toán ngân sách để thực hiện: Trên cơ sở khối lượng mới phát sinh đã được Ủy ban nhân dân các cấp thống nhất chủ trương, các cơ quan, đơn vị giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công có trách nhiệm lập và phê duyệt dự toán chi tiết phần khối lượng mới phát sinh và thương thảo, điều chỉnh, bổ sung hợp đồng với nhà thầu đang thực hiện. Trường hợp thương thảo không thành công, các cơ quan, đơn vị giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện việc lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Trường hợp phát sinh khối lượng mới ngoài khối lượng hợp đồng ban đầu dẫn đến bổ sung dự toán ngân sách để thực hiện: Trên cơ sở khối lượng mới phát sinh, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công có trách nhiệm chủ trì lập dự toán, lấy ý kiến của cơ quan tài chính về nguồn kinh phí và khả năng cân đối ngân sách. Sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính, các cơ quan, đơn vị tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân các cấp thống nhất chủ trương; trên cơ sở đó, gửi toàn bộ hồ sơ cho cơ quan tài chính trước ngày 10 tháng 10 hàng năm để tham mưu cấp thẩm quyền bổ sung dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước trước ngày 15 tháng 11 hàng năm. Công tác lựa chọn nhà thầu đối với phần khối lượng mới phát sinh được thực hiện theo Điều 16 Quy định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoặc ủy quyền cho cơ quan quản lý trực thuộc giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

b) Chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí ngân sách giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý từ nguồn ngân sách được bố trí, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

c) Phê duyệt dự toán chi tiết sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

d) Tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo thẩm quyền.

2. Đối với cơ quan, đơn vị được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công

a) Theo chức năng quản lý ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý có trách nhiệm theo dõi, tham mưu các nội dung cụ thể như sau:

Báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp việc ủy quyền để thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn thành phố. Báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác tổ chức kiểm tra, theo dõi và giám sát thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo quy định.

Các sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành chi tiết danh mục sản phẩm, dịch vụ công theo khoản 2 Điều 3 Quy định này, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện.

b) Thẩm định dự toán sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; thực hiện phê duyệt dự toán chi tiết sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 16 Quyết định này.

d) Quản lý, giám sát quá trình thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu bao gồm khối lượng, thời gian thực hiện, chất lượng dịch vụ do đơn vị sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn được giao quản lý. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

đ) Xét duyệt và tổng hợp quyết toán năm kinh phí cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên cùng thời điểm quyết toán ngân sách theo quy định tại Thông tư số 59/2026/TT-BTC ngày 29/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt và tổng hợp quyết toán năm.

e) Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét quyết định việc điều chỉnh kinh phí cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công, xử lý các trường hợp đặc thù (nếu có) theo quy định. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cùng cấp về kết quả thực hiện công tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập; nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Chương V Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và Quyết định này.

Điều 19. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đã được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đã tổ chức đấu thầu và ký hợp đồng với đơn vị trúng thầu trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc nhiệm vụ được giao, kết thúc hợp đồng đặt hàng hoặc hết thời gian đã được quy định trong hợp đồng đối với phương thức đấu thầu.

2. Đối với các gói thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đang trong quá trình thực hiện lựa chọn đơn vị thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì các bước tiếp theo được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC

THỜI GIAN THỰC HIỆN GÓI THẦU CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

(Kèm theo Quy định của Quyết định số 125 /2026/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

1. Thời gian thực hiện 03 năm đối với các gói thầu

- a) Dịch vụ chiếu sáng đô thị.
- b) Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay.
- c) Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng.
- d) Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.
- đ) Dịch vụ quản lý, bảo trì hệ thống đèn tín hiệu giao thông.
- e) Dịch vụ quản lý, vận hành, bảo trì bãi đỗ xe.
- g) Dịch vụ vệ sinh môi trường khác (Vận hành các Trạm trung chuyển rác thải, Vận hành nhà máy xử lý nước rỉ rác).

2. Thời gian thực hiện 05 năm đối với các gói thầu

- a) Dịch vụ cung cấp phương tiện và dịch vụ vận tải hành khách công cộng cho các tuyến xe buýt trợ giá.
- b) Dịch vụ thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung.